

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **215/2023/HSST**

Ngày: 30/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh; Ông Vương Đình Quang

- Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trần Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 213/2023/TLST-HS ngày 14/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 218/2023/QĐXXST-HS ngày 10/8/2023 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST/HS ngày 24/8/2023 đối với bị cáo :

Triệu Đức T, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Yê. Nơi ở : Tổ dân phố T2, phường X, quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá 12/12; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Triệu Như H, sinh năm 1972 và bà Hà Thị H1, sinh năm 1979. Tiền án, tiền sự theo danh chỉ bản số 000000439 lập ngày 05/6/2023 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và lý lịch cá nhân bị cáo T không có tiền án, tiền sự. Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Công ty Cổ phần R; Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà T Lô H đường P, phường M, quận N, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C – Giám Đốc; đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1997, trú tại phường T, quận N, thành phố H, vắng mặt phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2023, Triệu Đức T xin vào làm nhân viên pha chế tại quán trà sữa R thuộc công ty Cổ phần R, có địa chỉ tại tầng 1 Trung tâm thương mại V, quận N, thành phố H. Quá trình làm việc tại đây, T biết chị Nguyễn Thị Tr (SN: 1999; HKTT: xã B, huyện Y, tỉnh N) là nhân viên thu ngân của quán, chịu trách nhiệm thu tiền, quản lý tiền bán hàng của quán và chị Tr thường để tiền bán hàng vào ngăn kéo bên trong quầy thu ngân. Đến cuối ngày, chị Tr mới kiểm đếm lại tiền doanh thu bán

hàng trong ngày, buộc bằng dây chun thành từng tập kèm tờ giấy ghi chú số tiền và ngày bán hàng rồi cất gọn vào một góc ngăn kéo để vài ngày sau bàn giao lại cho nhân viên kế toán của công ty là chị Nguyễn Thị Bích P (SN: 1997; HKTT: xã Ph, huyện P, thành phố H). Trong quá trình làm việc, T thấy chị Tr không thường xuyên khóa ngăn kéo đựng tiền và không kiểm đếm lại tiền doanh thu bán hàng của các ngày trước đó nên T nảy sinh ý định trộm cắp tiền bán hàng của quán để chi tiêu cá nhân. Khoảng 18 giờ 30 ngày 23/4/2023, lợi dụng lúc chị Tr đi mua đồ ăn, không khóa ngăn kéo đựng tiền, không nhờ ai trông giữ, trong quán chỉ còn T cùng anh Đào Phúc Th (SN: 2003; HKTT: xã Đ, huyện K, tỉnh H – cũng là nhân viên pha chế của quán), thấy anh Th đang đứng chuẩn bị đồ pha chế ở góc khuất của quán nên T đã đi đến khu vực quầy thu ngân, mở ngăn kéo trộm cắp 09 tập tiền (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau) và cất giấu vào ba lô của T để phía dưới quầy thu ngân, sau đó T đóng ngăn kéo lại và đi làm việc bình thường. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T lấy balo bên trong có 09 tập tiền trộm cắp được trước đó mang về phòng trọ tại phường T, quận N, thành phố H kiểm đếm được tổng số tiền là 35.000.000 đồng nên đã lấy tiền, còn dây chun buộc tiền và những tờ giấy ghi chú của từng tập tiền T vứt vào thùng rác (không thu giữ được). Số tiền chiếm đoạt được, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và vẫn tiếp tục đến quán trà sữa làm việc như bình thường. Đến ngày 25/4/2023, T do sợ chị P đến lấy tiền doanh thu bán hàng sẽ phát hiện sự việc nên nhân lúc chị Tr đi ra ngoài đã mở ngăn kéo đựng tiền ra xem thì thấy trong ngăn kéo vẫn còn nhiều tập tiền bán hàng nên T đóng ngăn kéo lại và không lấy tài sản gì. Đến ngày 26/4/2023, chị P đến quán lấy tiền bán hàng cho Công ty nhưng qua kiểm đếm và đối chiếu với doanh thu do chị Tr báo cáo hàng ngày, chị P phát hiện thiếu 09 tập tiền là doanh thu bán hàng tại quán của các ngày 13, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 và 22 tháng 4 năm 2023 với tổng số tiền là 35.000.000 đồng. Chị P hỏi chị Tr và các nhân viên quán nhưng không ai nhận lấy số tiền này nên đã lấy thẻ nhớ của camera lắp đặt tại quán mang về kiểm tra và phát hiện hành vi trộm cắp tiền trong ngăn kéo quầy thu ngân của T vào ngày 23/4/2023, chị P sau đó đã thông báo cho T biết thì T thừa nhận hành vi trộm cắp số tiền 35.000.000 đồng của quán và đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, chị P đã báo cáo ban lãnh đạo Công ty Cổ phần R và được ủy quyền đại diện cho công ty trình báo sự việc. Đến 15 giờ 40 phút ngày 10/5/2023, Triệu Đức T đến Công an phường T đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Triệu Đức T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về dân sự: Gia đình Triệu Đức T đã khắc phục, trả cho công ty Cổ phần R số tiền 35.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Bích P đã nhận đủ tiền và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 209/CT-VKS ngày 02/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo Triệu Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 209/CT-VKS ngày 02/8/2023 và đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Đức T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ 30 ngày 23/4/2023, tại quán trà sữa R thuộc Công ty Cổ phần R, tại tầng 1 Trung tâm thương mại V, quận N, thành phố H, Triệu Đức T đã có hành vi trộm cắp 35.000.000 đồng của Công ty Cổ phần R do chị Nguyễn Thị Tr chịu trách nhiệm quản lý. Hành vi của bị cáo Triệu Đức T đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản công dân, gây mất trật tự trị an xã hội nên phải xử lý nghiêm. Khi lượng hình phạt xét nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, đã đầu thú, thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản trộm cắp bị cáo đã bồi thường trả cho bị hại để cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cũng xét bị cáo T phạm tội là do nhất thời trong khi đi làm thuê tại quán trà sữa R thuộc Công ty Cổ phần R thấy chị Tr sơ hở trong việc quản lý tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội nên không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, tuyên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống giám sát, giáo dục cũng đủ giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Cổ phần R đã nhận lại toàn bộ số tiền 35.000.000 đồng và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Tuyên bố bị cáo Triệu Đức T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Triệu Đức T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày 30/8/2023.

Giao bị cáo Triệu Đức T cho Ủy ban nhân dân phường phường X, quận B, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Triệu Đức T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận :

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Lập